BỆNH VIỆN SẢN NHI AN GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 532/QĐ-BVSN của Bệnh viện Sản Nhi An Giang ngày 25 tháng 10 năm 2022)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ Chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí ứng tuyển	Khoa/phòng ứng tuyển	Điểm của thành viên Ban kiểm tra sát hạch		Điểm Phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
								Thành viên 1	Thành viên 2					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
	Kỹ sư (đăng ký 5, chỉ tiêu 3)													
1	Thái Kim Phúc	15/04/1979	Kỹ sư xây dựng	A	B1	Kỹ sư	Tổ Chức Hành Chính	92	92	92		**92**	Đạt	
2	Ngô Minh Khoa	01/06/1994	Kỹ sư tin học	KS	B	Kỹ sư	Kế Hoạch Tổng Hợp	77	75	76		**76**	Đạt	
3	Nguyễn Thành Lợi	12/11/1992	Kỹ sư tin học	KS	B	Kỹ sư	Kế Hoạch Tổng Hợp	85	84	84.5		**84.5**	Đạt	
4	Lê Hoàng Trung Thông	10/05/1992	Thạc sĩ CNTT	Thạc sĩ CNTT	B	Kỹ sư	Kế Hoạch Tổng Hợp	35	35	35		**35**	Không đạt	
5	Tăng Huỳnh Thanh	14/08/1987	CN CNTT - KS Xây dựng	CN	B	Kỹ sư	Kế Hoạch Tổng Hợp	59	59	59		**59**	Không đạt	
	Kế toán viên (đăng ký 10, chỉ tiêu 4)													
6	Võ Thị Kim Anh	17/10/1977	CN Kinh tế	B	B	Kế toán viên	Tài Chính Kế Toán	93	92	92.5		**92.5**	Đạt	
7	Diệp Thị Ngọc Lan	01/01/1994	CN Tài chính	B	C	Kế toán viên	Tài Chính Kế Toán	100	100	100		**100**	Đạt	
8	Nguyễn Thị Ngọc Đằng	23/02/1989	CN Tài chính	A	B	Kế toán viên	Tài Chính Kế Toán	100	100	100		**100**	Đạt	
9	Nguyễn Ngọc Thủy	06/02/1987	CN Kinh tế	A	B	Kế toán viên	Tài Chính Kế Toán	79	79.5	79.25		**79.25**	Không đạt	
10	Trần Thị Kim Bích	27/12/1983	CN Kinh tế	B	B	Kế toán viên	Tài Chính Kế Toán	37	35	36	7.5	**43.5**	Không đạt	Con Thương Binh
11	Lê Nguyễn Phương Lam	27/02/1996	CN Tài chính NH	B	B1	Kế toán viên	Tài Chính Kế Toán	66	63	64.5		**64.5**	Không đạt	
12	Lê Kim Tiên	10/02/1991	CN Tài chính NH	B	B	Kế toán viên	Tài Chính Kế Toán						Vắng	
13	Lâm Thị Bích Hạnh	08/10/1979	CN Kế toán (VHVL)	KTV CNTT	B	Kế toán viên	Tài Chính Kế Toán	66	63	64.5		**64.5**	Không đạt	
14	Đặng Ngọc Anh Thư	11/11/1989	CN TCNH- CN Song Ngữ	B	B	Kế toán viên	Tài Chính Kế Toán	90	89	89.5		**89.5**	Không đạt	
15	Cao Thị Kim Chi	09/10/1978	CN kế toán	B	B	Kế toán viên	Vật tư y tế	97	97	97		**97**	Đạt	
	Bác sĩ (hạng III) (đăng ký 43, chỉ tiêu 34) cụ thể như sau:													
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Khám bệnh (chỉ tiêu 3)													
16	Trần Thanh Hoàng	04/04/1983	BS CKII	A	B	Bác sĩ (hạng III)	Khám Bệnh	62.5	63	62.75		**62.75**	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ Chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí ứng tuyển	Khoa/phòng ứng tuyển	Điểm của thành viên Ban kiểm tra sát hạch		Điểm Phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
								Thành viên 1	Thành viên 2					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
17	Nguyễn Ngọc Hiếu	16/10/1974	Bác sĩ	B	B	Bác sĩ (hạng III)	Khám Bệnh	64	66	65		**65**	Đạt	
18	Võ Thị Thanh Thủy	22/12/1980	BS CKI	A	B	Bác sĩ (hạng III)	Khám Bệnh	91	92	91.5		**91.5**	Đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Liên chuyên khoa (chỉ tiêu 1)													
19	Lê Thị Ngọc Hằng	06/08/1995	Bác sĩ	CB	TOEIC 39	Bác sĩ (hạng III)	Liên chuyên khoa	94	94	94		**94**	Đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Cấp cứu nhi (chỉ tiêu 2)													
20	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	27/05/1993	Bác sĩ	A	B	Bác sĩ (hạng III)	Cấp Cứu Nhi	85	89	87		**87**	Đạt	
21	Nguyễn Ngọc Thúy Hường	25/02/1994	BS Y Khoa	A	B	Bác sĩ (hạng III)	Cấp cứu nhi	66.5	68	67.25		**67.25**	Không đạt	
22	Bùi Nguyễn Ngọc Thảo	22/09/1997	BS Y Khoa	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	Cấp cứu nhi	80.5	83.5	82		**82**	Không đạt	
23	Trần Phú Quý	30/12/1998	BS Y Đa Khoa	CB	B	Bác sĩ (hạng III)	Cấp cứu nhi	83	86	84.5		**84.5**	Đạt	
24	Bùi Văn Nhựt	19/06/1998	BS Y Khoa	CB	B	Bác sĩ (hạng III)	Cấp cứu nhi	40.5	40	40.25		**40.25**	Không đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa ICU nhi (chỉ tiêu 5)													
25	Huỳnh Thanh Quý	25/05/1993	Bác sĩ	CB	B	Bác sĩ (hạng III)	ICU Nhi	80.5	85	82.75		**82.75**	Đạt	
26	Phạm Thị Ngọc Diệu	03/11/1995	Bác sĩ	A	B	Bác sĩ (hạng III)	ICU Nhi	65	64.5	64.75		**64.75**	Đạt	
27	Nguyễn Hoàng Sang	01/05/1996	Bác sĩ	CB	TOEIC 46	Bác sĩ (hạng III)	ICU Nhi	83	83.5	83.25		**83.25**	Đạt	
28	Võ Văn Sơn	09/05/1997	Bác sĩ	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	ICU Nhi	80	80	80		**80**	Đạt	
29	Nguyễn Ngọc Tường Vy	17/02/1996	Bác sĩ	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	ICU Nhi	87	86	86.5		**86.5**	Đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Sơ sinh (chỉ tiêu 1)													
30	Trần Ngọc Phước	18/05/1995	Bác sĩ	CB	IELTS 7.0	Bác sĩ (hạng III)	Sơ Sinh	93	94	93.5		**93.5**	Đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Nội nhi (chỉ tiêu 5)													
31	Võ Hiền Nhân	27/07/1991	Bác sĩ	CB	B	Bác sĩ (hạng III)	Nội Nhi	94	95	94.5		**94.5**	Đạt	
32	Phạm Trần Quỳnh Nhi	02/07/1994	Bác sĩ	A	B2	Bác sĩ (hạng III)	Nội Nhi	80.5	84	82.25		**82.25**	Đạt	
33	Trần Nhật Thịnh	25/07/1995	Bác sĩ	A	B	Bác sĩ (hạng III)	Nội Nhi	93	95	94		**94**	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ Chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí ứng tuyển	Khoa/phòng ứng tuyển	Điểm của thành viên Ban kiểm tra sát hạch		Điểm Phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
								Thành viên 1	Thành viên 2					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
34	Lê Bình Minh	15/01/1993	Bác sĩ	A	B2	Bác sĩ (hạng III)	Nội Nhi	93.5	95	94.25		**94.25**	Đạt	
35	Lê Thị Thùy Dung	30/12/1995	Bác sĩ	CB	TOEIC 36	Bác sĩ (hạng III)	Nội Nhi	90	90	90		**90**	Đạt	
36	Nguyễn Thị Hậu	09/04/1998	BS Y Khoa	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	Nội nhi	81.5	81.5	81.5		**81.5**	Không đạt	
37	Phạm Thị Bảo Châu	20/12/1997	BS Y Khoa	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	Nội nhi	67.5	67.5	67.5		**67.5**	Không đạt	
38	Hồ Thanh Kiều Nhi	25/08/1998	BS Y Khoa	CB	B2	Bác sĩ (hạng III)	Nội nhi						Vắng	
39	Lê Văn Tấn	01/01/1989	BS Y Khoa	A	B1	Bác sĩ (hạng III)	Nội nhi	51.5	51.5	51.5		**51.5**	Không đạt	
40	Nguyễn Hồng Nhung	10/03/1997	BS Y Đa Khoa	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	Nội nhi	44	44	44		**44**	Không đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Ngoại nhi (chỉ tiêu 2)													
41	Đào Thành Trung	22/04/1994	Bác sĩ	CB	B	Bác sĩ (hạng III)	Ngoại Nhi	81	84	82.5		**82.5**	Đạt	
42	Trần Xuân Tuấn	25/11/1995	Bác sĩ	A	TOEIC 56	Bác sĩ (hạng III)	Ngoại Nhi	75	79	77		**77**	Đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức (chỉ tiêu 2)													
43	Trang Thế Anh	20/06/1995	Bác sĩ	CB	TOEIC 63	Bác sĩ (hạng III)	PTGMHS	92.5	89	90.75		**90.75**	Đạt	
44	Phạm Quyền Anh	01/07/1983	Bác sĩ	A	B	Bác sĩ (hạng III)	PTGMHS	85	85	85		**85**	Đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Sanh (chỉ tiêu 6)													
45	Mai Tấn Đạt	05/07/1992	Bác sĩ	CB	C	Bác sĩ (hạng III)	Sanh	96	96	96		**96**	Đạt	
46	Trương Thị Tuyết Nhung	30/07/1989	Bác sĩ	A	C	Bác sĩ (hạng III)	Sanh	94.5	94	94.25		**94.25**	Đạt	
47	Lê Minh Châu	13/07/1991	Bác sĩ	B	C	Bác sĩ (hạng III)	Sanh	97	97	97		**97**	Đạt	
48	Trần Thị Ngọc Bích	16/02/1993	Bác sĩ	A	B2	Bác sĩ (hạng III)	Sanh	95	96	95.5		**95.5**	Đạt	
49	Dư Hồng Tâm	11/12/1996	Bác sĩ	CB	TOEIC 62	Bác sĩ (hạng III)	Sanh	88.5	92.5	90.5		**90.5**	Đạt	
50	Phạm Văn Dương	18/05/1997	Bác sĩ	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	Sanh	77	81	79		**79**	Không đạt	
51	Phạm Thị Ngọc Bích	10/01/1993	BS Y Đa Khoa	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	Sanh	89.5	89.5	89.5		**89.5**	Đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Phụ (chỉ tiêu 4)													
52	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	20/06/1992	Bác sĩ	B	B	Bác sĩ (hạng III)	Phụ	84.5	84.5	84.5		**84.5**	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ Chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí ứng tuyển	Khoa/phòng ứng tuyển	Điểm của thành viên Ban kiểm tra sát hạch		Điểm Phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
								Thành viên 1	Thành viên 2					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
53	Nguyễn Thị Màu	15/06/1994	Bác sĩ	CB	B	Bác sĩ (hạng III)	Phụ	87	89.5	88.25		**88.25**	Đạt	
54	Nguyễn Thị Lan Vi	16/03/1995	Bác sĩ	CB	TOEIC 56	Bác sĩ (hạng III)	Phụ	82.5	85.5	84		**84**	Đạt	
55	Võ Nguyễn Thị Nhu Mỹ	10/08/1995	Bác sĩ	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	Phụ	93	94	93.5		**93.5**	Đạt	
	Bác sĩ (hạng III) tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh(chỉ tiêu 3)													
56	Lê Thị Tuyết Ngân	11/02/1995	Bác sĩ	CB	B1	Bác sĩ (hạng III)	Chẩn Đoán Hình Ảnh	96	96	96		**96**	Đạt	
57	Trần Thanh Nhàn	01/01/1983	Bác sĩ	A	B	Bác sĩ (hạng III)	Chẩn Đoán Hình Ảnh	74	74	74		**74**	Đạt	
58	Nguyễn Ngọc Linh	16/07/1993	BS Y Khoa	A	B1	Bác sĩ (hạng III)	Chẩn Đoán Hình Ảnh	74	72	73		**73**	Đạt	
	Điều dưỡng (hạng III) (đăng ký 9, chỉ tiêu 7)													
59	Cao Thị Bích Tuyền	12/07/1987	CKI Điều dưỡng	B	B	Điều dưỡng (hạng III)	Điều Dưỡng	90	89	89.5		**89.5**	Đạt	
60	Trương Hữu Toàn	12/08/1995	CN Điều dưỡng	B	A2	Điều dưỡng (hạng III)	ICU Nhi	89	88	88.5		**88.5**	Đạt	
61	Nguyễn Thị Hà My	04/09/1993	CN Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng III)	Nội Nhi	92	87	89.5		**89.5**	Đạt	
62	Võ Thị Mỹ Huyền	19/02/1994	CN Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng III)	Nội Nhi	88	87	87.5		**87.5**	Không đạt	
63	Nguyễn Phạm Thanh Thùy	01/01/1984	CN Điều dưỡng	NC	B	Điều dưỡng (hạng III)	Nội Nhi	88	88	88		**88**	Đạt	
64	Trương Minh Phước	30/01/1996	CN Điều dưỡng	NC	B1	Điều dưỡng (hạng III)	Nội nhi	93	91	92		**92**	Đạt	
65	Nguyễn Phan Trí Sách	18/06/1995	CN Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng III)	Nội nhi	56	56	56		**56**	Không đạt	
66	Nguyễn Thị Diệu	01/01/1985	CN Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng III)	Ngoại Nhi	90	90	90		**90**	Đạt	
67	Trần Thị Hồng Tươi	16/11/1987	CN Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng III)	Ngoại Nhi	91	89	90		**90**	Đạt	
	Hộ sinh (hạng III) (đăng ký 4, chỉ tiêu 4)													
68	Huỳnh Mai Bích Trâm	12/11/1990	CNĐD chuyên ngành hộ sinh	A	B	Hộ sinh (hạng III)	Khám Bệnh	70	70	70		**70**	Đạt	
69	Lê Cẩm Tú	17/02/1992	CNNHS	B	B	Hộ sinh (hạng III)	Sanh	70	70	70		**70**	Đạt	
70	Phạm Kim Quyên	02/11/1980	CNNHS	CB	B1	Hộ sinh (hạng III)	Sanh	70	70	70		**70**	Đạt	
71	Lê Thị Bích Hạnh	19/09/1985	CNNHS	A	B	Hộ sinh (hạng III)	Đơn nguyên KCB theo yêu cầu	80	80	80		**80**	Đạt	
	Dược sĩ (hạng III) (đăng ký 7, chỉ tiêu 4)													
72	Đường Mỹ Nhi	25/12/1993	Dược sĩ	A	B2	Dược sĩ (hạng III)	Dược	65	66	65.5		**65.5**	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ Chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí ứng tuyển	Khoa/phòng ứng tuyển	Điểm của thành viên Ban kiểm tra sát hạch		Điểm Phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
								Thành viên 1	Thành viên 2					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
73	Nguyễn Hoàng Khiêm	02/09/1978	Dược sĩ	A	B	Dược sĩ (hạng III)	Dược	62	62	62		**62**	Đạt	
74	Huỳnh Như	05/07/1994	Dược sĩ	A	B	Dược sĩ (hạng III)	Dược	84	84	84		**84**	Đạt	
75	Từ Ngọc Hoàng Tiên	12/04/1991	Dược sĩ	CB	B1	Dược sĩ (hạng III)	Dược	69	71	70		**70**	Đạt	
76	Trần Gia Huy	20/11/1996	Dược sĩ	CB	C	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược	59	60	59.5		**59.5**	Không đạt	
77	Lê Thị Mỹ Ý	01/06/1981	Dược sĩ	A	B	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược	54	54	54		**54**	Không đạt	
78	Nguyễn Thị Thanh Trúc	12/08/1996	Dược sĩ	CB	B	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược	47.5	47.5	47.5		**47.5**	Không đạt	
	Kỹ thuật viên y (hạng III) (đăng ký 6, chỉ tiêu 5)													
79	Mai Phúc Vinh	07/11/1994	CNXNYH	A	B	Kỹ thuật viên y (hạng III)	Xét Nghiệm	97	98	97.5		**97.5**	Đạt	
80	Phạm Thị Mỹ Hương	29/03/1994	CNXNYH	A	B	Kỹ thuật viên y (hạng III)	Xét Nghiệm	92	93	92.5		**92.5**	Đạt	
81	Lưu Trạch Dân	19/09/1994	CNXNYH	A	B	Kỹ thuật viên y (hạng III)	Xét Nghiệm	83	83	83		**83**	Đạt	
82	Huỳnh Thanh Thảo	01/12/1991	Thạc sĩ Xét nghiệm	A	B	Kỹ thuật viên y (hạng III)	Xét Nghiệm	93	94	93.5		**93.5**	Đạt	
83	Võ Thị Thu Thảo	08/08/1996	CNXNYH	CB	B	Kỹ thuật viên y (hạng III)	Xét Nghiệm	98	97	97.5		**97.5**	Đạt	
84	Trần Phùng Huyền Trân	29/11/1999	CNXNYH	CB	B1	Kỹ thuật viên y (hạng III)	Xét nghiệm	64	63	63.5		**63.5**	Không đạt	
	Cao đẳng Điện (đăng ký 1, chỉ tiêu 1)													
85	Trần Đức Hào	07/07/1995	CĐ Điện	A	B	CĐ Điện	Tổ Chức Hành Chính	75	75	75		**75**	Đạt	
	Điều dưỡng (hạng IV) (đăng ký 28, chỉ tiêu 26)													
86	Võ Quốc Hưng	13/04/1994	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Liên chuyên khoa	84	86	85		**85**	Đạt	
87	Bùi Ngọc Tùng	23/10/1996	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Liên chuyên khoa	79	81	80		**80**	Đạt	
88	Trương Thị Kim Liên	20/08/1994	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Cấp Cứu Nhi	90	90	90		**90**	Đạt	
89	Nguyễn Minh Tuấn	15/09/1995	CN Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	ICU Nhi	90	92	91		**91**	Đạt	
90	Nguyễn Thị Kim Huyền	18/05/1994	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	ICU Nhi	90	92	91		**91**	Đạt	
91	Nguyễn Tấn Kiệt	09/10/1989	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	ICU Nhi	75	75	75		**75**	Đạt	
92	Nguyễn Thị Lệ Huyền	19/09/1990	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	ICU Nhi	80	80	80		**80**	Đạt	
93	Nguyễn Thị Cẩm Cương	01/11/1995	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	ICU Nhi	83	86	84.5		**84.5**	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ Chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí ứng tuyển	Khoa/phòng ứng tuyển	Điểm của thành viên Ban kiểm tra sát hạch		Điểm Phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
								Thành viên 1	Thành viên 2					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
94	Văng Thiện Thanh Duy	04/04/1995	CĐ Điều dưỡng	B	B	Điều dưỡng (hạng IV)	ICU Nhi	87	91	89		**89**	Đạt	
95	Huỳnh Phong Phú	10/07/1994	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	ICU Nhi	82	85	83.5		**83.5**	Đạt	
96	Hoàng Thị Hà Thương	12/03/1992	CĐ Điều dưỡng	B	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Nội Nhi	85	85	85		**85**	Đạt	
97	Trần Ngọc Thuận	25/12/1994	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Nội Nhi	85	88	86.5		**86.5**	Đạt	
98	Trần Văn Nghĩa	24/06/1992	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Nội Nhi	87	91	89		**89**	Đạt	
99	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	10/06/1994	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Nội Nhi	81.5	81	81.25		**81.25**	Đạt	
100	Phạm Thị Bích Duyên	17/10/1995	CĐ Điều dưỡng	A2	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Nội Nhi	74.5	78	76.25		**76.25**	Đạt	
101	Phạm Trường An	30/07/1996	CĐ Điều dưỡng	B	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Nội Nhi	89	89	89		**89**	Đạt	
102	Nguyễn Trần Phúc Thịnh	13/05/1997	CĐ Điều dưỡng	CB	B1	Điều dưỡng (hạng IV)	Nội nhi	74	75	74.5		**74.5**	Không đạt	
103	Lê Hoàng Đăng Khoa	01/09/1995	CĐ Điều dưỡng	CB	B1	Điều dưỡng (hạng IV)	Nội nhi	40	40	40	2.5	**42.5**	Không đạt	Bộ đội xuất ngủ
104	Trần Chí Phương	19/02/1993	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	PTGMHS	91	95	93		**93**	Đạt	
105	Trần Hữu Tài	29/12/1983	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	PTGMHS	88	88	88	2.5	**90.5**	Đạt	Bộ đội xuất ngủ
106	Trát Thị Tài Linh	28/02/1993	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	PTGMHS	84	88	86		**86**	Đạt	
107	Châu Bửu Tài	28/10/1993	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	PTGMHS	83	87	85		**85**	Đạt	
108	Lã Thị Hà	20/05/1994	CĐ Điều dưỡng	B	C	Điều dưỡng (hạng IV)	PTGMHS	81	81.5	81.25		**81.25**	Đạt	
109	Phạm Tấn Thông	07/07/1992	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	PTGMHS	82.5	82.5	82.5		**82.5**	Đạt	
110	Trần Thị Kim Em	13/09/1991	CĐ Điều dưỡng	A	A	Điều dưỡng (hạng IV)	Đơn nguyên KCB theo	80	80	80		**80**	Đạt	
111	Trương Thị Huỳnh Trang	28/08/1993	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Đơn nguyên KCB theo	90	90	90		**90**	Đạt	
112	Nguyễn Thị Thùy Vân	20/09/1996	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Đơn nguyên KCB theo	78	78	78		**78**	Đạt	
113	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15/01/1995	CĐ Điều dưỡng	A	B	Điều dưỡng (hạng IV)	Chẩn Đoán Hình Ảnh	79	83	81		**81**	Đạt	
	Hộ sinh (hạng IV) (đăng ký 9, chỉ tiêu 9)													
114	Trần Thị Ngọc Hiền	02/01/1988	CĐ Hộ sinh	B	B	Hộ sinh (hạng IV)	Khám Bệnh	63.5	63	63.25		**63.25**	Đạt	
115	Trần Quỳnh Hương	09/09/1994	CĐ Hộ sinh	NC	B	Hộ sinh (hạng IV)	Khám Bệnh	78.5	78	78.25		**78.25**	Đạt	
116	Lê Thị Kim Tuyền	22/02/1984	CĐ Hộ sinh	A	A	Hộ sinh (hạng IV)	Sanh	69.5	69.5	69.5		**69.5**	Đạt	
117	Huỳnh Thị Kim Quyên	10/04/1995	CĐ Hộ sinh	A	B	Hộ sinh (hạng IV)	Sanh	58	58	58		**58**	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ Chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí ứng tuyển	Khoa/phòng ứng tuyển	Điểm của thành viên Ban kiểm tra sát hạch		Điểm Phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
								Thành viên 1	Thành viên 2					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
118	Lê Thị Mộng Nghi	21/04/1994	CĐ Hộ sinh	A	A	Hộ sinh (hạng IV)	Đơn nguyên KCB theo	84	82	83		**83**	Đạt	
119	Huỳnh Thị Mỹ Nàng	1985	CĐ Hộ sinh	A	A	Hộ sinh (hạng IV)	Đơn nguyên KCB theo	70.5	72.5	71.5		**71.5**	Đạt	
120	Võ Thị Thùy Linh	23/10/1987	CĐ Hộ sinh	A	B	Hộ sinh (hạng IV)	Đơn nguyên KCB theo	69	67	68		**68**	Đạt	
121	Cao Thị Nguyên	15/08/1994	CĐ Hộ sinh	A	A	Hộ sinh (hạng IV)	Đơn nguyên KCB theo	79	78	78.5		**78.5**	Đạt	
122	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	25/10/1985	CĐ Hộ sinh	A	A	Hộ sinh (hạng IV)	Phụ	80	81	80.5		**80.5**	Đạt	
	Kỹ thuật viên y (hạng IV) (đăng ký 1, chỉ tiêu 1)													
123	Nguyễn Thị Thanh Lam	18/06/1994	CĐ PHCN	A	B	Kỹ thuật viên y (hạng IV)	YHCT-PHCN	83	87	85		**85**	Đạt	
	Dược (hạng IV) (đăng ký 9, chỉ tiêu 5)													
124	Hồ Thị Tuyết Nga	14/08/1978	CĐ Dược	A	A	Dược (hạng IV)	Công tác xã hội - CSKH	59	59	59		**59**	Đạt	
125	Phan Minh Tiến	25/11/1994	CĐ Dược	A	A	Dược (hạng IV)	Công tác xã hội - CSKH	53	53	53	2.5	**55.5**	Không đạt	Bộ đội xuất ngũ
126	Lê Thị Liên	20/10/1987	CĐ Dược	B	B	Dược (hạng IV)	Dược	66	68	67		**67**	Đạt	
127	Huỳnh Thị Thu An	02/11/1990	CĐ Dược	A	B1	Dược (hạng IV)	Dược	67	67	67		**67**	Đạt	
128	Phùng Thị Kim Ngân	19/04/1989	CĐ Dược	A	B	Dược (hạng IV)	Dược	70	70	70		**70**	Đạt	
129	Nguyễn Trần Nguyên Thảo	10/09/1983	CĐ Dược	A	B	Dược (hạng IV)	Dược	77	77	77		**77**	Đạt	
130	Lê Nguyễn Thanh Hồng Trinh	21/09/2001	CĐ Dược	CB	B1	Dược (hạng IV)	Dược	51	48.5	49.75		**49.75**	Không đạt	
131	Tô Lan Thanh	07/11/1999	CĐ Dược	A	B	Dược (hạng IV)	Dược	65	65	65		**65**	Không đạt	
132	Trương Lê Nam Du	26/03/1990	CĐ Dược	B	B	Dược (hạng IV)	Dược	56	57	56.5		**56.5**	Không đạt	

**** Danh sách có 132 thí sinh (Trong đó có 103 thí sinh có kết quả Đạt)***

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH

Người ký: Bệnh viện Sản nhi An Giang
Email: benhvensannhi@angiang.gov.vn
Cơ quan: Sở Y tế, Tỉnh An Giang
Chức vụ: Giám đốc
Thời gian ký: 27.10.2022 09:31:41 +07:00

BS.CKII. Tôn Quang Chánh